TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2023/HNGĐ- ST
Ngày : 21.12.2023
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm *tham gia phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 118/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1985
HKTT: Tổ 18, thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
Địa chỉ: 178/48 Cát Quế, tổ 22, thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm L,** sinh năm 1982
Địa chỉ: Tổ 18, thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị N, anh L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Phạm L chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia định đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 13/3/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ổn định tại tổ 18, thị trấn Lộc T, huyện B.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ, anh L cũng ít khi đến thăm con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị N yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh L có 02 con chung là Phạm Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 28/11/2008 và Phạm Minh T1, sinh ngày 18/01/2013. Chị N yêu cầu được nuôi cả hai con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N tự thỏa thuận anh L về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh L không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm L nhiều lần để làm việc nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/10/2023 nhưng không thành. Chị N có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có mặt tại phiên tòa trình bày ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân anh L đồng ý ly hôn với chị N, về con chung ông Lâm thừa nhận có hai con chung như chị N trình bày là đúng, vợ chồng ly thân 03 năm nay thì chị N đang nuôi con, anh L có cho con đồ dùng, xe đi học, còn chị N nuôi con ăn học. Nay anh cũng đồng ý để cho chị N nuôi dưỡng cả hai con chung như hiện nay nhưng trong giấy tờ ly hôn phải ghi anh L nuôi con là Phạm Minh T1 đến khi đủ 18 tuổi và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung, thực tế anh L không nuôi con. Về tài sản chung anh và chị N tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung đến nay anh và chị N không có nợ chung.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N, xử cho chị N và anh L được ly hôn. Về con chung cần xem xét giao cả hai con chung là Phạm Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 28/11/2008 và Phạm Minh T1, sinh ngày 18/01/2013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung chị N tự thỏa thuận với anh L và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung chị N, anh L trình bày không có nợ chung không yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phạm L chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày

13/3/2008. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng của chị N và anh L không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, tình cảm dẫn đến ly thân từ tháng 8/2021 đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa chị N, anh L đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn một phần là do kinh tế. Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án có xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng chung sống được biết vợ chồng chị N anh L có xảy ra mâu thuẫn kinh tế từ năm 2021 và đã ly thân đến nay. Tòa án có triệu tập anh L đến làm việc, hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L đều vắng mặt, thể hiện sự bỏ mặc và không có thiện chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị N vẫn yêu cầu được ly hôn, anh L cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc, không thể hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị N và anh L được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét lời khai của chị N, anh L, căn cứ bản sao giấy khai sinh chị N xuất trình thì chị N và anh L có hai con chung là Phạm Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 28/11/2008 và Phạm Minh T1, sinh ngày 18/01/2013. Xem xét nguyện vọng nuôi con của chị N cho thấy, thực tế từ khi ly thân đến nay chị N là người đang trực tiếp nuôi hai con, có đủ điều kiện nuôi con và chăm sóc tốt cho con, các con đều khỏe mạnh và phát tiển bình thường, cả hai con đều có nguyện vọng ở với chị N. Còn anh L được Tòa án triệu tập nhưng không đến làm việc. Tại phiên tòa anh L trình bày chỉ muốn ghi trên giấy tờ ly hôn là anh nuôi con Phạm Minh T1, còn thực tế thì chị N nuôi con. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai con chung là Phạm Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 28/11/2008 và Phạm Minh T1, sinh ngày 18/01/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N, anh L tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử đề cập đến.

Về nợ chung: Chị N, anh L trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N đối với anh Phạm L về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N và anh Phạm L được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Phạm L phải giao hai con chung là Phạm Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 28/11/2008 và Phạm Minh T1, sinh ngày 18/01/2013 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

" *Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*".

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị N và anh Phạm L tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0012850 ngày 06/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND thị trấn Lộc T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy